

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày: 28 -02 -2019

“ V/v tranh chấp hợp mua bán tài sản ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Hoàng Mích
2. Bà Võ Thị Mai

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đăng Phi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 09 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Trần Văn L, sinh năm: 1952 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh E.

Ông Trần Văn L ủy quyền cho ông Trần Nhật Long H, sinh năm 1978 địa chỉ 137C, đường V, phường 7, thành phố E, tỉnh E tham gia tố tụng.

***2. Bị đơn:*** - Trần Văn C (Mười C), sinh năm: 1949 (Có mặt)

- Võ Thị M, sinh năm 1950 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh E.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 08 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 26/10/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Nhật Long H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn L trình bày như sau:

Vào Năm 2011 ông Trần Văn C, bà Võ Thị M có mua thuốc, hóa chất và thức ăn nuôi thủy sản của ông Trần Văn L. Việc mua, bán đến ngày 01/10/2012 thì chấm dứt. Ngày 23/6/2013 hai bên tổng kết nợ ông C, bà M còn nợ ông L số tiền là 84.258.000 đồng, ông C ký xác nhận vào giấy nhận nợ. Đến ngày 27/07/2013 ông C có trả cho ông L 20.000.000 đồng còn nợ lại 64.258.000 đồng cho đến nay chưa thanh toán. Vì thấy, hoàn c gia đình ông C khó khăn nên ông L giảm bớt cho C 9.258.000 đồng còn nợ lại 55.000.000 đồng. Tại tòa ông L yêu cầu ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị M phải liên đới trả lại số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

\* Tại bản tự khai ngày 17/10/2018, biên bản hòa giải ngày 26/10/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Văn C trình bày:

Ông thừa nhận còn nợ ông Trần Văn L số tiền mua thức ăn hóa chất nuôi tôm là 64.258.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng). Nay ông L yêu cầu ông trả 55.000.000 đồng ông không đồng ý. Vì ông cho rằng lúc mua bán giữa ông và vợ của ông L (đã chết) có thỏa thuận miệng chiếu khấu lại cho ông 10% trên tổng số tiền mua ăn, thuốc, hóa chất. Ông đã mua thức ăn hóa chất nuôi tôm của ông L tổng cộng là 800.000.000 đồng và đã trả rồi cho ông L 720.000.000 đồng nhưng ông L chưa có chiếu khấu cho ông như thỏa thuận. Ông xác định số tiền 64.258.000 đồng còn nợ là tiền chiếu khấu lại cho ông 10% nên ông không đồng ý trả ông L.

\* Bà Võ Thị M vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng nên tòa án không thu thập được lời khai.

\* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn Nguyễn Thị M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự . Đối với vi phạm của Thẩm phán không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 428, 432, 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 92, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L , buộc bà Võ Thị M, ông Trần văn C phải trả cho ông Trần văn L số tiền là 55.000.000 đồng ( Năm mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận ông Trần Văn L không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị M được Tòa án tổng đạt hợp lệ để lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do giao dịch mua bán giữa các bên được xác lập từ năm 2011 đến năm 2013 nên sẽ áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của ông Trần Văn L yêu cầu bà Võ Thị M, ông Trần Văn C trả lại tiền mua bán thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi thủy sản là 55.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2018, biên bản hòa giải ngày 26/10/2018 ông Trần Văn C thừa nhận có mua bán thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi thủy sản với ông Trần Văn L hiện còn nợ ông L 64.258.000 đồng. Lời thừa nhận này là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ cơ sở trên, xác định giữa Ông L và ông C có quan hệ giao dịch mua bán được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện. Quá trình thực hiện giao dịch mua bán thấy rằng, ông L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tài sản và ông C đã nhận nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho ông L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 438 Bộ luật dân sự 2005. Tuy nhiên ông L giảm cho ông C, bà M 9.258.000 đồng chỉ yêu cầu ông C, bà M trả lại 55.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của ông C nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thỏa thuận chiết khấu: Ông C cho rằng khi mua bán hai bên có thỏa thuận miệng về việc chiết khấu 10% khi ông C thanh toán nợ cho ông L. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền xác nhận không có việc thỏa thuận này. Ông C không cung cấp được chứng cứ đối với thỏa thuận chiết khấu 10% trên tổng số tiền mua bán nên ý kiến của ông C là không có cơ sở xem xét.

[8] Về trách nhiệm liên đới: Ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà M, ông C cùng liên đới trả nợ. Thấy rằng, bà M, ông C có đăng ký kết hôn theo biên bản xác minh ngày 10/01/2019 nên là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa ông C trình bày ông và bà M không có đăng ký kết hôn nhưng sống chung với nhau từ năm 1968 đến nay nên đây cũng là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận hợp pháp. Ông C nuôi tôm nhằm sinh L phục vụ kinh tế gia đình, số nợ phát sinh trong thời kỳ vợ chồng ông, bà còn sống chung thì bà M cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng ông C trả nợ cho ông L là đúng quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tại Tòa ông C xin miễn án phí do cao tuổi. Xét thấy, Theo đơn

xác nhận ngày 03/08/2018 (Bút lựt 02) thì Bà M sinh năm 1950, ông C sinh năm 1949 đến nay đều trên 60 tuổi thuộc diện cao tuổi nên bà Võ Thị M, ông Trần Văn C được miễn án phí.

Hoàn trả cho Ông Trần Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.606.000đ (Một triệu sáu trăm lẻ nghìn đồng) theo ba biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019316 ngày 13/09/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 428, 438, 305 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 92, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L đối với bà Võ Thị M, ông Trần Văn C về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

2/ Buộc bà Võ Thị M, ông Trần Văn C phải liên đới trả cho ông Trần Văn L số tiền là 55.000.000 đồng ( Năm mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận ông Trần Văn L không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà ông Trần Văn L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Võ Thị M, ông Trần văn C chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị M, ông Trần Văn C được miễn án phí do người cao tuổi.

Hoàn trả cho Trần Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.606.000đ (Một triệu sáu trăm lẻ nghìn đồng) theo ba biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019316 ngày 13/09/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Ông Trần Văn L, bị đơn ông Trần Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Võ Thị M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh E;  
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
Đã Ký

**Lê Thị Thu Hương**